

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Trường Phòng Văn hoá - Xã hội xã Minh Châu; Ban đại diện CMHS trường Tiểu học Diên Quảng

Tên tôi là : Đàm Thị Lan

Chức vụ: Hiệu trưởng

Tôi xin cam kết đảm bảo chất lượng đơn vị Trường Tiểu học Diên Quảng trong năm học 2025 – 2026 với các nội dung sau:

***.Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh nhà trường (theo chuẩn đầu ra).**

PHỤ LỤC 2

Chuẩn đầu ra chất lượng học tập của học sinh năm học 2024 – 2025

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
1	Tổng số HS/số lớp	114/3	103/3	112/3	96/3	84/2	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	0	0	0	0	0	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế	0	0	0	0	0	
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế	0	0	0	0	0	
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế	0	0	0	0	0	
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên	0	0	0	0	0	
7	Toán, văn tuổi thơ, tin học trẻ						
	+ Cấp trường						

	+ Cấp huyện					8	
8	IOE tiếng Anh(lượt)						
	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện			5	5	6	
	+ Cấp tỉnh			3	3	3	
9	Trạng nguyên Tiếng Việt(lượt)						
	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện	6	4	10	7	2	
	+ Cấp tỉnh	2	2	6	3	3	
10	Toán Vioedu(lượt em)						
	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện	4	3	8	4	2	
	+ Cấp tỉnh	1	1	2	1	1	

***Các môn khảo sát chất lượng**

1	Điểm TBC môn Toán	6.96	7.27	6.98	7.78	6.83	6.83
2	Điểm TBC môn Tiếng Việt	6.53	6.72	7.36	7.21	7.37	7.37
5	Điểm TBC môn Tiếng Anh			6.07	5.74	6.28	6.27

*** Môn học và HĐGD**

	TS HS được đánh giá	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
1. Toán	504										
Hoàn thành tốt		61	53.5	65	66.3	73	65.2	63	65.6	56	66.7
Hoàn thành		49	43.0	33	33.7	39	34.8	33	34.4	28	33.3

[illegible]

8. Đạo đức	504										
Hoàn thành tốt		74	64.9	68	69.4	73	65.2	64	66.7	58	69.1
Hoàn thành		39	34.2	30	30.6	39	34.8	32	33.3	26	30.9
Chưa hoàn thành		1	0.9								
9. Tự nhiên và Xã hội	324										
Hoàn thành tốt		73	64.0	66	67.3	73	65.2				
Hoàn thành		40	35.1	32	32.7	39	34.8				
Chưa hoàn thành		1	0.9								
10. Âm nhạc	504										
Hoàn thành tốt		74	64.9	67	68.4	74	66.1	67	69.8	57	67.9
Hoàn thành		39	34.2	31	31.6	38	33.9	29	30.2	27	32.1
Chưa hoàn thành		1	0.9								
11. Mỹ thuật	504										
Hoàn thành tốt		73	64.0	66	67.3	73	65.2	64	66.7	58	69.1
Hoàn thành		40	35.1	32	32.7	39	34.8	32	33.3	26	30.9
Chưa hoàn thành		1	0.9								
12. HĐ trải nghiệm	504										
Hoàn thành tốt		73	64.0	68	69.4	74	66.1	67	69.8	57	67.9
Hoàn thành		41	36.0	30	30.6	38	33.9	29	30.2	27	32.1
Chưa hoàn thành											
13. Giáo dục thể chất	504										
Hoàn thành tốt		73	64.0	70	71.4	76	67.9	65	67.7	58	69.1
Hoàn thành		40	35.1	28	28.6	36	32.1	31	32.3	26	30.9

Chưa hoàn thành		1	0.9								
-----------------	--	---	-----	--	--	--	--	--	--	--	--

- Đối với khối 1, 2, 3, 4,5 (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục

và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học)

TT	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	Tổng số HS	114		103-5KT+KK		112		96		84	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kết quả xếp loại GD										
	HTXS	33	28.9	43	43.9	46	41.1	29	30.2	29	34.5
	Hoàn thành tốt	33	28.9	19	19.4	27	24.1	28	29.2	26	31.0
	Hoàn thành	42	36.8	36	36.7	39	34.8	39	40.6	29	34.5
	Chưa HT	6	5.3								
2	HTCTLH										
	Hoàn thành	108	94.7	98	100	112	100	96	100	84	100
	Chưa hoàn thành	6	5.3								
3	Khen thưởng										
	- Giấy khen cấp	66	57.9	62	63.3	73	65.2	57	59.4	55	65.5

trường										
- Giấy khen cấp trên:										
+ Cấp xã(cụm)	10	8.8	7	7.1	23	20.5	16	16.7	14	16.7
+ Cấp tỉnh	3	2.6	3	3.1	11	9.8	8	8.3	6	7.14
+ Cấp khác										

PHỤ LỤC 2

Chuẩn đầu ra chất lượng học tập của học sinh năm học 2025 – 2026

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
1	Tổng số HS/số lớp	114/3	103/3	112/3	96/3	84/2	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	0	0	0	0	0	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế	0	0	0	0	0	
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế	0	0	0	0	0	
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế	0	0	0	0	0	
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên	0	0	0	0	0	
7	Toán, văn tuổi thơ, tin học trẻ						
	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện					8	
8	IOE tiếng Anh(lượt)						

	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện			5	5	6	
	+ Cấp tỉnh			3	3	3	
9	Trạng nguyên Tiếng Việt(lượt)						
	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện	6	4	10	7	2	
	+ Cấp tỉnh	2	2	6	3	3	
10	Toán Vioedu(lượt em)						
	+ Cấp trường						
	+ Cấp huyện	4	3	8	4	2	
	+ Cấp tỉnh	1	1	2	1	1	

***Các môn khảo sát chất lượng**

1	Điểm TBC môn Toán	6.96	7.27	6.98	7.78	6.83	6.83
2	Điểm TBC môn Tiếng Việt	6.53	6.72	7.36	7.21	7.37	7.37
5	Điểm TBC môn Tiếng Anh			6.07	5.74	6.28	6.27

*** Môn học và HĐGD**

	TS HS được đánh giá	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
8. Toán	504										
Hoàn thành tốt		61	53.5	65	66.3	73	65.2	63	65.6	56	66.7
Hoàn thành		49	43.0	33	33.7	39	34.8	33	34.4	28	33.3
Chưa hoàn thành		4	3.5								
9. Tiếng Việt	504										
Hoàn thành tốt		50	43.9	64	65.3	73	65.2	63	65.6	57	67.9
Hoàn thành		58	50.9	34	34.7	39	34.8	33	34.4	27	32.1

Chưa hoàn thành		6	5.3								
10. Khoa học	180										
Hoàn thành tốt								63	65.6	59	70.2
Hoàn thành								33	34.4	25	29.8
Chưa hoàn thành											
11. Lịch sử & Địa lý	180										
Hoàn thành tốt								65	67.7	58	69.0
Hoàn thành								31	32.3	26	31
Chưa hoàn thành											
12. Tiếng Anh	292										
Hoàn thành tốt						73	65.2	63	65.6	58	69.0
Hoàn thành						39	34.8	33	34.4	26	31.0
Chưa hoàn thành											
13. Tin học	292										
Hoàn thành tốt						74	66.1	65	67.7	57	67.9
Hoàn thành						38	33.9	31	32.3	27	32.1
Chưa hoàn thành											
14. Công nghệ	292										
Hoàn thành tốt						73	65.2	59	61.5	57	67.9
Hoàn thành						39	34.8	37	38.5	27	32.1
Chưa hoàn thành											
8. Đạo đức	504										
Hoàn thành tốt		74	64.9	68	69.4	73	65.2	64	66.7	58	69.1
Hoàn thành		39	34.2	30	30.6	39	34.8	32	33.3	26	30.9
Chưa hoàn thành		1	0.9								
9. Tự nhiên và Xã hội	324										
Hoàn thành tốt		73	64.0	66	67.3	73	65.2				

Hoàn thành		40	35.1	32	32.7	39	34.8				
Chưa hoàn thành		1	0.9								
10. Âm nhạc	504										
Hoàn thành tốt		74	64.9	67	68.4	74	66.1	67	69.8	57	67.9
Hoàn thành		39	34.2	31	31.6	38	33.9	29	30.2	27	32.1
Chưa hoàn thành		1	0.9								
11. Mỹ thuật	504										
Hoàn thành tốt		73	64.0	66	67.3	73	65.2	64	66.7	58	69.1
Hoàn thành		40	35.1	32	32.7	39	34.8	32	33.3	26	30.9
Chưa hoàn thành		1	0.9								
12. HĐ trải nghiệm	504										
Hoàn thành tốt		73	64.0	68	69.4	74	66.1	67	69.8	57	67.9
Hoàn thành		41	36.0	30	30.6	38	33.9	29	30.2	27	32.1
Chưa hoàn thành											
13. Giáo dục thể chất	504										
Hoàn thành tốt		73	64.0	70	71.4	76	67.9	65	67.7	58	69.1
Hoàn thành		40	35.1	28	28.6	36	32.1	31	32.3	26	30.9
Chưa hoàn thành		1	0.9								

- Đối với khối 1, 2, 3, 4,5 (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học)

T T	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	Tổng số HS	114		103- 5KT+KK		112		96		84	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)

1	Kết quả xếp loại GD										
	HTXS	33	28.9	43	43.9	46	41.1	29	30.2	29	34.5
	Hoàn thành tốt	33	28.9	19	19.4	27	24.1	28	29.2	26	31.0
	Hoàn thành	42	36.8	36	36.7	39	34.8	39	40.6	29	34.5
	Chưa HT	6	5.3								
2	HTCTLH										
	Hoàn thành	108	94.7	98	100	112	100	96	100	84	100
	Chưa hoàn thành	6	5.3								
3	Khen thưởng										
	- Giấy khen cấp trường	66	57.9	62	63.3	73	65.2	57	59.4	55	65.5
	- Giấy khen cấp trên:										
	+ Cấp xã(cụm)	10	8.8	7	7.1	23	20.5	16	16.7	14	16.7
	+ Cấp tỉnh	3	2.6	3	3.1	11	9.8	8	8.3	6	7.14
	+ Cấp khác										

PHỤ LỤC 3

Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm học 2025 – 2026

TT	Các công trình, trang thiết bị dạy học	Mới	Sửa chữa, cải tạo	Thời gian hoàn thành	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Mua 3 máy vtinh phòng tin học	x		11/2025	22.500.000	UBND xã cấp	
2	Lắp bạt cuốn che nắng phía trước và 2 bên sân khấu	x		1/2026	18.900.000	UBND xã cấp	

3	Mua bàn ghế học sinh	x		10/2025	44.000.000	UBND xã cấp	
4	Sửa chữa hệ thống điện, máy vitinh, tivi, bàn ghế hư hỏng, trang trí nhà đa năng, hệ thống mạng trường học.		x	12/2025	60.000.000	UBND xã cấp Kinh phí thường xuyên	
6	Mua bổ sung sách vở, thiết bị dạy học		x	11/ 2025	15.000.000	Kinh phí thường xuyên	
7	Tu sửa làm thêm nhà xe		x	2/2026	15.000.000	Kinh phí thường xuyên	
	Tổng				175.400.000		

PHỤ LỤC 4
Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
năm học 2025- 2026

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chuẩn XLNN	Cốt cán	Giáo viên giỏi		Trình độ LLCT
						Huyện	Tỉnh	
1	Đàm Thị Lan	Hiệu trưởng	Đại học	Tốt	x	x		Trung cấp
2	Trần Thị Anh	PHT	Đại học	Tốt	x	x	x	Trung cấp
3	Cao Thị Lý	Giáo viên	Đại học	Tốt		x		Sơ cấp
4	Phạm Thị Trâm	Giáo viên	Đại học	khá				
5	Nguyễn Thị Thương	Giáo viên-TTCM	Đại học	Tốt	x	x		Sơ cấp
6	Phan Văn Hải	Giáo viên-CTCĐ	Đại học	Khá		x		Sơ cấp
7	Lương Thị Hạnh	Giáo viên-TPCM	Đại học	Tốt	x	x		
8	Võ Thị Hà	Giáo viên	Đại học	Tốt		x		

9	Lương Thị Trần Anh	Giáo viên-TTCM	Cao đẳng	Tốt	x	x		Sơ cấp
10	Lê Thị Hương	Giáo viên	Đại học	Tốt		x		Sơ cấp
11	Phan Thị Xuân Quý	Giáo viên-TPCM	Đại học	Tốt	x	x		Sơ cấp
12	Trần Thị Hương	Giáo viên	Đại học	Tốt		x		Sơ cấp
13	Chu Thị Hòa	Giáo viên	Đại học	Tốt		x		Sơ cấp
14	Lê Thị Ngọc Vân	Giáo viên	Đại học	Khá				Sơ cấp
15	Nguyễn Thị Toan	Giáo viên	Đại học	Tốt				Sơ cấp
16	Tăng Thị Liễu	Giáo viên	Đại học	Khá				
17	Đặng Xuân Diễn	Giáo viên	Đại học	khá				Sơ cấp
18	Nguyễn Thị Thanh	Giáo viên	Đại học	Tốt		x		Sơ cấp
19	Hoàng Kiều Oanh	Giáo viên	Đại học	Khá				
20	Nguyễn Thị Thuyết	TV_TB	Đại học					
21	Hoàng Thị Cẩm Tú	Kế toán	Đại học					Sơ cấp
22	Trần Thị Thanh	Giáo viên	Đại học	Tốt				
23	Hồ Thị Ngọc Anh	Giáo viên	Đại học	Khá				
24	Nguyễn Thị Dung	Giáo viên	Cao đẳng					HĐT
25	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giáo viên	Cao đẳng					HĐT
		QL: 02 GV: 20 NV: 03	ĐH: 22 Dưới ĐH: 03	Tốt: : 14 Khá:: 09				

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Lan

